

Bản án số: 85/2023/HS-PT

Ngày 01- 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ N T.

Thẩm phán: bà Phạm Thị Thúy Q.

Bà Nguyễn Thị Hải M.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn HA, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh NA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NA tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Duy Việt, Kiểm sát viên.

Trong các ngày, từ ngày 22 tháng 5 năm 2023 đến ngày 26 tháng 5 năm 2023; từ ngày 26 tháng 5 năm 2023 đến ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh NA, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 215/2022/TLPT-HS ngày 12/10/2022 đối với các bị cáo: Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1, Nguyễn Văn L, do có kháng cáo của các bị cáo Q, N, N1, L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn Q; tên gọi khác: không; giới tính: N; sinh năm 1969 tại huyện TC, tỉnh NA; nơi cư trú: thôn 2, xã TH, huyện TC, tỉnh NA; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; con ông Trần Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị L (đã chết); vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1971; con: Trần Văn N, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2022, có mặt.

2. Trần Văn N; tên gọi khác: không; giới tính: N; sinh năm 1992 tại huyện TC, tỉnh NA; nơi cư trú: thôn 2, xã TH, huyện TC, tỉnh NA; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1971; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2022, có mặt.

3. Nguyễn Đình N1; tên gọi khác: không; giới tính: N; sinh năm 1996 tại huyện TC, tỉnh NA; nơi cư trú: thôn 1, xã TH, huyện TC, tỉnh NA; dân tộc: kinh; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1975; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

4. Nguyễn Văn L, tên gọi khác: không; giới tính: N; sinh năm 2002 tại huyện TC, tỉnh NA; nơi cư trú: xóm Trường S, xã Thanh Mai, huyện TC, tỉnh NA; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1962; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2022 đến ngày 09/6/2022, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Trần Văn N:

- Ông Nguyễn Trọng Đ, Luật sư Văn phòng Luật sư Thành Đ và Cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh NA, vắng mặt.

- Bà Phan Thị N, Luật sư Văn phòng Luật sư Thành Đ và Cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh NA, vắng mặt.

- Bà Đinh Thị S, Luật sư Văn phòng Luật sư Thành Đ và Cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh NA, vắng mặt.

- Ông Hoàng Thanh S, Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Thanh S và Cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: số 6, ngõ 72/4, đường Cầu Noi, TDP Trù 4, Phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, có mặt.

- Bị hại kháng cáo:

+ Ông Trần Quốc T, sinh năm 1972

Địa chỉ: thôn Minh Tân, xã Võ Liệt, huyện TC, tỉnh NA, có mặt.

+ Anh Trần Văn M, sinh năm 1982

Địa chỉ: xóm Long Biên, xã Thanh Long, huyện TC, tỉnh NA, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, N1 vụ liên quan: bà Phạm Thị T, sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn 2, xã TH, huyện TC, tỉnh NA, có mặt.

- Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị

+ Vương Đình N, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn 3, xã TH, huyện TC, tỉnh NA, vắng mặt.

+ Nguyễn Văn N, sinh năm 1996

Địa chỉ: thôn 1, xã TH, huyện TC, tỉnh NA, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Trần Văn Q và Vương Đình N (thường gọi là N Liêm) mâu thuẫn với nhau từ trước. Chiều ngày 08/01/2022 gia đình Trần Văn Q làm thịt lợn, tại đây nhiều

người tham gia ăn uống và hát karaoke, trong đó có Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1, Nguyễn Đình N. Vào lúc 20 giờ 25 phút cùng ngày, khi nghe điện thoại của Vương Đình N thì ông Trần Quốc T gọi cho Trần Văn M, nói “xuống nhà N Liêm có việc”. Sau đó ông T gọi cho Nguyễn Tùng Lâm, Nguyễn Tùng Lâm ra nhà ông T nhờ chút việc và rủ Nguyễn Văn L đến nhà Vương Đình N. Trần Văn Q, Trần Văn N thuê Taxi chở đến thôn Minh Tân, xã Võ Liệt đón ông Trần Quốc T, đến nơi thì ông T, Nguyễn Tùng Lâm, Nguyễn Văn L lên Taxi, cùng Trần Văn M đến nhà Vương Đình N, dừng trước cổng nhà Trần Văn Q, đối diện nhà Vương Đình N. Vương Đình N cầm 01 ống tuýp sắt chỉ tay vào nhà Trần Văn Q và nói với L “*Qua đập thằng ni đạ*” (Ý nói đánh Trần Văn Q, Trần Văn N). Bà Phạm Thị T (vợ Trần Văn Q) nói với Trần Văn Q, Trần Văn N “*Thằng N kéo quân đến đập*”. Nghe vậy, Trần Văn Q, Trần Văn N cùng Nguyễn Đình N1, Nguyễn Đình N chạy ra khu vực quán tạp hóa gia đình Trần Văn Q. Tại đây, Trần Văn Q cầm 01 chiếc xẻng (làm bằng ống tuýp sắt) còn Trần Văn N cầm 01 chiếc bàn vét (cán làm bằng gỗ) và lấy 01 chiếc dao (loại dao quắm) đưa cho Nguyễn Đình N1; Nguyễn Đình N cầm 01 chiếc cuốc (cán làm bằng gỗ). Lúc này, trước quán gia đình Trần Văn Q, Vương Đình N la hét, xúc phạm gia đình Trần Văn Q, vừa chửi bới, vừa dùng tuýp sắt đập M vào cột sắt trước quán, thách “*Cha con bay mô, ra đây ... Cha con bay ra đây tay đôi với tau ... Cha con bay ra đây tau giết chết bay...*”. Nguyễn Văn L ném đá vào quán, gần nơi Trần Văn N đang đứng (nhưng không trúng ai) rồi giật ống tuýp sắt từ tay Vương Đình N, đến trước cửa quán đánh Trần Văn N một phát (nhưng không trúng người) rồi đi ra đường thì Nguyễn Tùng Lâm ôm, can ngăn. Vương Đình N lấy lại ống tuýp sắt từ tay Nguyễn Văn L, Trần Văn M đi vào gần khu vực trước quán, ông T đứng ngoài đường. Nhóm người phía gia đình Trần Văn Q và nhóm người phía Vương Đình N, Trần Văn M xô xát nhau nhau. Tại khu cổng phụ, sát gian bếp quán, Trần Văn Q dùng xẻng sắt đánh Trần Văn M, phần lưỡi rời khỏi cán xẻng thì Trần Văn Q dùng cán xẻng trên đánh anh M nhiều phát, trúng vào tay trái và người anh M M bỏ chạy. Lúc này, Trần Văn N dùng bàn vét đánh một phát vào người anh M và nói với Nguyễn Đình N, Nguyễn Đình N1 “*Tìm thằng N Liêm mà đập*” (Ý nói tìm Vương Đình N mà đánh).

Trước quán tạp hóa gia đình Trần Văn Q, Trần Văn N cầm bàn vét đến gần Vương Đình N (lúc này N đang cầm ống tuýp sắt), hai tay cầm bàn vét đánh từ trên xuống dưới, hướng về người Vương Đình N, nhưng N tránh được làm bàn vét đập xuống mặt đường, lưỡi bị gãy nhưng cán còn bám dính một phần nhỏ kim loại. Vương Đình N bỏ chạy thì Trần Văn N, Nguyễn Đình N, Nguyễn Đình N1 vừa đuổi theo, vừa la hét ồn ào dọc đường, gây mất trật tự. Trần Văn N trong khi chạy đã tự ngã, xây xước da ở vùng lưng và tay phải. Không đuổi đánh được Vương Đình N nên Trần Văn N, Nguyễn Đình N trở lại quán gia đình Trần Văn Q. Thấy Nguyễn Đình N cầm cuốc trên tay, nghĩ là người của nhóm Vương Đình N nên Trần Văn Q dùng ống

tuýp sắt đánh N một phát, trúng tay trái N. Nguyễn Đình N1 nhìn thấy liền nói “*Quân ta chú Q ơi*”.

Trần Văn Q thấy ông Trần Quốc T đứng tại mép đường đối diện quán tạp hóa, đã cầm ống tuýp sắt chạy đến đánh liên tiếp nhiều phát vào người ông T, trúng hai tay ông T. Thấy vậy, Nguyễn Đình N1 chạy đến giúp sức Trần Văn Q, dùng dao quắm (phần sống lưng dao) chém một phát trúng tay trái ông T. Trần Văn N chạy đến, đứng đối diện ông Trần Quốc T, dùng bàn vét (còn bám dính một phần lưỡi bằng kim loại) đánh ông T khoảng 02 đến 03 phát từ trên xuống thì ông T đưa tay đỡ. Trần Văn Q lao vào ông T, tiếp tục dùng ống tuýp sắt đánh vào người ông T. Nguyễn Đình N1 Thấy cha con Trần Văn Q quyết liệt tấn công ông Trần Quốc T, sợ ông T nguy hiểm đến tính mạng, nên đã ôm cha con Trần Văn Q, làm cho Trần Văn Q, Trần Văn N không thể tiếp tục đánh ông T. Do bị đánh, ông Trần Quốc T lùi và ngã xuống mương. Khoảng 10 phút sau thì Công an xã TH, huyện TC có mặt hiện trường, lúc này nhóm người hai bên đã bỏ đi. Công an xã TH và người dân xung quanh đã đưa ông Trần Quốc T đi cấp cứu, phát hiện trong túi quần ông T có 01 khẩu súng ngắn, màu đen (vũ khí), đã bị Tòa án kết án về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 16 ngày 13/01/2022 đối với ông Trần Quốc T của T tâm giám định pháp y, Sở Y tế tỉnh NA kết luận:

“Gãy hờ 1/3 giữa hai xương cẳng tay bên phải.

- Gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay bên trái, gãy xương bàn IV bàn tay bên trái, gãy xương đốt 2 ngón I và đốt 1 ngón II – III bàn tay bên trái, vỡ xương bánh chè bên phải. Hiện tại đang điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

- Hiện tại cẳng tay bên trái và đầu gối bên phải đang bó bột.

- Một vết thương đỉnh đầu bên trái; một vết thương trùng vết phẫu thuật 1/3 giữa sau cẳng tay bên phải.

- Một vết thâm nhợt màu ngực bên phải; một đám xây xát da không liên tục 1/3 giữa trước cẳng chân bên trái; một vết thâm nhợt màu 1/3 dưới trước cẳng chân bên trái. Hiện tại ổn định.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 35 %.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 153/TTPY ngày 08/4/2022 của T tâm Pháp y tỉnh NA kết luận: “Một vết thương đỉnh đầu bên trái của Trần Quốc T có tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 16/TTPY, ngày 13/01/2022 của T tâm Pháp y tỉnh NA là do vật tày có cạnh tác động gây nên, có chiều hướng từ trên xuống dưới”.

Ngày 03/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã có công văn về việc tách tỉ lệ tổn thương cơ thể đối với vết thương đỉnh đầu bên trái của ông Trần Quốc T.

Tại công văn số 102/TTPY ngày 03/6/2022 của T tâm pháp Y, Sở Y tế tỉnh NA trả lời: “Một vết thương đỉnh đầu bên trái có tỉ lệ: 01% (một phần trăm)”.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 20 ngày 14/01/2022 đối với anh Trần Văn M của T tâm giám định pháp y, Sở Y tế tỉnh NA kết luận:

“Gãy 1/3 giữa xương quay cẳng tay bên trái: Hiện tại đang bó bột cẳng bàn tay.

Một số vết sưng nề tại các vị trí: Gáy bên trái; 1/3 trên sau cẳng tay bên phải; 1/3 trên ngoài đùi bên trái và một vết thâm tím 1/3 trên trước đùi bên phải không ảnh hưởng chức năng. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 8 %”.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 19 ngày 14/01/2022 đối với Trần Văn Q của T tâm giám định pháp y, Sở y tế tỉnh NA kết luận:

“Một vết thương phần mềm sau đốt 2 ngón 1 bàn tay bên trái không ảnh hưởng chức năng. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01 %” .

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q;

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn N;

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình N1;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình N.

1. Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt: Trần Văn Q 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 09/01/2022.

- Xử phạt: Trần Văn N 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 09/01/2022.

- Xử phạt: Nguyễn Đình N1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Tuyên bố Nguyễn Văn L phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt: Nguyễn Văn L 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2022 đến ngày 09/6/2022.

Ngoài ra, Bản án nêu trên còn tuyên án đối với các bị cáo: Vương Đình N, Nguyễn Văn N, quyết định N1 vụ bồi thường thiệt hại, N1 vụ thi hành án dân sự; tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 10/9/2022, bị cáo Trần Văn Q cho rằng Tòa án xử phạt bị cáo 07 năm tù là quá nghiêm khắc; đề nghị điều tra lại, giám định lại thương tật anh Trần Quốc T, do nhiều tình tiết bị bỏ sót, không đúng sự thực. Đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 10/9/2022, bị cáo Trần Văn N cho rằng bị cáo không đánh ông T, anh M. Đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 19/9/2022, bị cáo Nguyễn Đình N1 cho rằng Tòa án xử phạt bị cáo quá nghiêm khắc. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ăn năm hối cải, bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 15/9/2022, bị cáo Nguyễn Văn L cho rằng Tòa án xử phạt bị cáo quá nghiêm khắc. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ăn năm hối cải, bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

Tại đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 19/9/2022, bà Phạm Thị T kháng cáo bản án nêu trên về phần xử lý vật chứng, đề nghị xem xét, trả lại cho bà 02 dao bầu và 01Camera.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q rút một phần nội dung kháng cáo, không yêu cầu điều tra lại, giám định lại thương tật ông Trần Quốc T; Bị cáo N, bị cáo N1, bị cáo L, bà T không sửa đổi, bổ sung, rút kháng cáo.

Khi các bị cáo tranh tụng, nói lời nói sau cùng, bị cáo Q không kêu oan, đề nghị được giảm án, rút kháng cáo về việc điều tra lại, giám định lại thương tật bị hại T; bị cáo N vẫn cho rằng bản thân không đánh ông T, nhưng thừa nhận đã phạm tội theo tội danh, điều khoản đã bị cấp sơ thẩm tuyên án do đồng phạm với bố bị cáo đối với hành vi đánh ông T, đề nghị giảm nhẹ hình phạt; bị cáo N1, bị cáo L thừa nhận tội, xin giảm án và hưởng án treo. Bà T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho chồng, con bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Quan điểm truy tố và đề nghị của Viện Kiểm sát tại cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, do có tình tiết mới nên đề nghị như sau:

- Đối với Trần Văn Q: tại phiên tòa phúc thẩm, chứng minh được bị cáo Q phạm tội do tinh thần bị kích động do ngay trước thời điểm xảy ra xung đột, Trần Văn Q, Trần Văn N và gia đình bị Vương Đình N và một số người khác trong nhóm của N, M chửi bới, xúc phạm; Trần Văn Q đã nhận ra sai lầm do bột phát, xin lỗi bị hại Trần Quốc T; tích cực tác động để vợ bị cáo (bà T) bồi thường thêm cho bị hại T 30.000.000 đồng, thể hiện bị cáo Q đã thực sự ăn năn hối lỗi; được bị hại T đề nghị khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét, nên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Trần Văn Q về phần hình phạt, giảm cho bị cáo Q 06 tháng tù.

- Đối với Trần Văn N: do bị cáo N không nhận đã dùng hung khí nguy hiểm đánh, gây thương tích cho ông Trần Quốc T, thể hiện chưa thành khẩn, chưa ăn năn hối cải, nên đề nghị giữ nguyên mức hình phạt như án sơ thẩm đã tuyên.

- Đối với Nguyễn Đình N1: bị cáo N1 đồng phạm với vai trò giúp sức, thứ yếu. Tại phiên tòa phúc thẩm, chứng minh được khi thấy bị cáo Q, bị cáo N dùng hung khí nguy hiểm tấn công liên tục, nguy hiểm đến tính mạng bị hại T, đã tích cực can ngăn nên ông T không bị đánh tiếp. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Do đó, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Đình N1, giữ nguyên hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đối với Nguyễn Văn L: tại phiên tòa phúc thẩm, chứng minh được Nguyễn Văn L lập công (được Công an huyện TC xác nhận tại Công văn số 425 ngày 19/4/2013). Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Do đó, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Văn L về phần hình phạt, giảm cho bị cáo L 02 tháng tù.

- Chấp nhận thay đổi nội dung kháng cáo của ông Trần Quốc T tại phiên tòa, về việc không còn cho rằng bị cáo Q, bị cáo N phạm tội giết người; không còn yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo: Q, N.

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bà T về xử lý vật chứng, nếu thấy có căn cứ thì chấp nhận nhằm đảm bảo quyền lợi của đương sự theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Q, bị cáo N phát biểu quan điểm bào chữa như sau:

- Cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo Q, bị cáo N và chưa xác định lỗi của bị hại T (bị hại T có đem theo vũ khí quân dụng – súng, khi thấy ông T rút súng, bị cáo Q phải sử dụng hung khí nhằm ngăn chặn án mạng xảy ra). Do đó, cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Q, N về tội "Cố ý gây thương tích" là không khách quan, không chính xác.

- Anh Trần Văn M cũng gây kích động tinh thần cho các bị cáo Q, N.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo bị Q, N tích cực tác động để bà T bồi thường thêm cho ông T khoản tiền tương đối lớn (30 triệu đồng) trong số 150.000.000 đồng hai bên đã thỏa thuận bồi thường, được cấp sơ thẩm công nhận.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm hình phạt sâu hơn cho các bị cáo Q, N so với mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Các bị cáo Q, N không bổ sung lời bào chữa; tất cả các bị cáo không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Q, N không kêu oan (bị cáo N thừa nhận tội như án sơ thẩm đã tuyên vì đồng phạm với bị cáo Q, nhưng vẫn cho rằng bị cáo không trực tiếp đánh gây thương tích cho bị hại T) và đều xin giảm nhẹ hình phạt với hình phạt thấp hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa; các bị cáo N1, bị cáo L đều xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, đã được cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có ý kiến khiếu nại.

Đơn kháng cáo của bị cáo Q, N, N1, L; của bị hại Trần Quốc T và bà Phạm Thị T Tòa án tiếp nhận trong thời hạn luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không kháng cáo và bị hại M không có mặt, các bị cáo, người bào chữa, Kiểm sát viên không yêu cầu có mặt những người này và xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử; các Luật sư là ông Đ, bà S, bà N không có mặt và các bị cáo Q, N không còn yêu cầu những người này bào chữa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q rút kháng cáo về yêu cầu điều tra lại, giám định lại; bị hại Trần Quốc T rút kháng cáo về việc cho rằng bị cáo Q, bị cáo N phạm tội giết người, đề nghị tăng nặng hình phạt.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, đương sự thấy rằng:

[2.1] Về căn cứ định tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo: Q, N1, L khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện trong vụ án này như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC đã truy tố và nội dung của Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA. Lời khai của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án; với vật chứng vụ án thu giữ được; phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng; phù hợp với các Kết luận giám định và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Tuy bị cáo Trần Văn N không thừa nhận đánh ông Trần Quốc T, gây thương tích cho ông T, nhưng tại biên bản tiếp nhận người đầu thú ngày 09/01/2022, các biên bản ghi lời khai các ngày 09, 10, 11 và 13 tháng 01 năm 2022; Biên bản hỏi cung ngày 19/01/2022, Trần Văn N khai khi xảy ra đánh nhau giữa hai nhóm thì bị cáo N có đưa cho Nguyễn Đình N1 01 con dao (loại doa quắm) và bị cáo N dùng cán bàn vét đánh một phát vào người anh Trần Văn M rồi cầm cán bàn vét đó đuổi đánh Vương Đình N, khi quay lại thấy ông Trần Quốc T đứng cạnh nương nước, đối diện nhà gia đình mình thì cầm cán bàn vét đó đánh từ trên xuống 02 đến 03 cái vào người ông T, ông T giơ hai tay lên đỡ. Ngoài ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo N1 khai nhìn thấy rõ Trần Văn N dùng cán bàn vét đánh từ trên xuống, từ trước tới nay bị cáo N1 không thay đổi lời khai về hành vi này của bị cáo N. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L khai có nhìn thấy rõ các bị cáo Q, N dùng hung khí đánh bị hại T. Bị cáo N1, bị cáo L khẳng định không đổ oan cho bị cáo N, các bị cáo và gia đình bị cáo N không có mâu thuẫn gì. Do đó có đủ cơ sở khẳng định: lời khai của bị cáo N1, bị cáo L là khách quan, T thực, có cơ sở, căn cứ làm chứng cứ, cùng các chứng cứ

khách quan khác để kết tội Trần Văn N như cấp sơ thẩm đã quy kết. Từ đó, có đủ chứng cứ chứng minh Trần Văn N đã có hành vi dùng cán bàn vét (còn bám dính một phần lưỡi bằng kim loại tại phần đầu), đánh từ trên xuống vào người ông Trần Quốc T, gây thương tích cho ông T.

Luật sư bào chữa cho Trần Văn Q, Trần Văn N cho rằng cấp sơ thẩm kết án bị cáo Q, bị cáo N về tội "Cố ý gây thương tích" là không khách quan, không chính xác. Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi xem xét khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo, tương quan lực lượng, hung khí giữa phía gia đình bị cáo Q với nhóm người của Vương Đình N, Trần Văn M và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ căn cứ chứng minh hành vi cố ý gây thương tích của Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1 đối với ông Trần Quốc T không thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Tuy nhiên, hành vi cố ý gây thương tích của Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1 sau khi diễn ra nhiều hành vi trái pháp luật của nhóm bị cáo N, anh M ngay trước và trong quán tạp hóa gia đình Trần Văn Q, đã trực tiếp kính động tinh thần Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1 và những người có mặt trong gia đình bị cáo Q, tuy chưa đến mức được coi là tình tiết giảm nhẹ theo điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do cấp sơ thẩm chưa xem xét, áp dụng nên Hội đồng xét xử cần coi là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, áp dụng nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo (bao gồm cả bị cáo N1) .

Do đó, có đầy đủ cơ sở kết luận:

Do gia đình Vương Đình N và gia đình Trần Văn Q có mâu thuẫn với nhau từ trước nên vào khoảng 21 giờ ngày 08/01/2022, tại đoạn đường liên thôn, liên xã, trước quán tạp hóa nhà Trần Văn Q (thôn 2, xã TH, huyện TC, tỉnh NA). Trần Văn Q thực hiện hành vi sử dụng xẻng có cán bằng kim loại đánh vào tay anh Trần Văn M; Trần Văn N sử dụng bàn vét đánh vào người anh Trần Văn M gây tổn thương cơ thể với tỉ lệ thương tật 8% (tám phần trăm). Trần Văn Q dùng ống tuýp sắt đánh M nhiều phát vào người ông Trần Quốc T; Nguyễn Đình N1 sử dụng dao quắm (phần sống dao) chém một phát vào tay ông Trần Quốc T thì dừng lại ôm, can ngăn bị cáo Q, bị cáo N; Trần Văn N sử dụng cán vét (có gắn kim loại) đánh nhiều phát vào người, đầu ông Trần Quốc T. Hành vi trên của các bị cáo đã gây tổn thương cơ thể cho ông Trần Quốc T với tỉ lệ thương tích 35 % (ba mươi lăm phần trăm), gây cố tật cho nạn nhân.

Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1 tiếp nhận ý chí của nhau và đều tham gia đánh ông Trần Quốc T, gây thương tích 35%, do đó các bị cáo này phải chịu trách nhiệm hình sự chung về thương tích đã gây ra cho ông T. Hành vi nêu trên của Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1 đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng đã truy tố, Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, sai.

Hành vi phạm tội của Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1 trong vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, nhất thời, trong đó: Trần Văn Q có vai trò tích cực nhất, Trần Văn N là người tích cực thực hiện tội phạm, là người đưa hung khí (dao quắm) cho Nguyễn Đình N1, dùng bàn vít (phía đầu cán còn bám dính một phần kim loại) đánh ông Trần Quốc T nhiều phát. Hành vi trên của Trần Văn Q, Trần Văn N không nhằm tước đoạt tính mạng ông T (nhận định này còn được chứng minh bởi việc làm của Trần Văn N và ngay sau đó, đã đưa ông T từ nương nước lên, dìu vào quán gia đình mình; Trần Văn Q và gia đình tạo điều kiện sơ cứu bị hại T, giảm thiệt hại về sức khỏe cho ông T).

Nguyễn Đình N1 tham gia phạm tội theo sự xúi dục của Trần Văn N, khi thấy cha con Trần Văn Q (Trần Văn Q, Trần Văn N) đánh ông T, đã vào hỗ trợ, nhưng dùng song dao quắm (do Trần Văn N đưa cho trước đó), chém nhẹ một phát vào tay ông T, nên được coi là đồng phạm với vai trò thứ yếu như nhận định của cấp sơ thẩm và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[2.2] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt đối với các bị cáo

Các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn N phạm tội không có tiền án, tiền sự, đều có nhân thân tốt; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (hành vi gây thương tích cho các bị hại chưa đến mức coi là "có tính chất côn đồ". Các bị cáo Q, N tích cực tác động để gia đình (bà T) bồi thường cho bị hại Trần Quốc T 30.000.000 đồng (nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC), là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; sau khi phạm tội, các bị cáo đầu thú, gia đình các bị cáo có công với Nước được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; Trần Văn N khai nhận đồng phạm với bố bị cáo và bị cáo N1, xin cấp phúc thẩm khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt, cần coi là đã thành khẩn khai báo và có phần ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, chưa được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, Trần Văn Q, Trần Văn N tích cực tác động để bà T thực hiện N1 vụ bồi thường thay cho bị hại T 30.000.000 đồng (trong tổng số 150.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông T theo quyết định của Bản án sơ thẩm), thể hiện các bị cáo có trách nhiệm trong việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đã gây ra; các bị cáo có lời xin lỗi, được bị hại T đề nghị cấp phúc thẩm khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt, là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, qua xét hỏi, tranh luận, nhận thấy Trần Văn Q, Trần Văn N phạm tội do tinh thần bị kích động trong trạng thái vừa sử dụng chất có cồn, không làm chủ được bản thân nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

Do đó, cần xem xét, giảm hình phạt cho các bị cáo với mức thấp hơn đáng kể so

với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đảm bảo khách quan, toàn diện, đảm bảo căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, hình phạt áp dụng đối với Trần Văn Q vẫn trong khung hình phạt bị truy tố nhằm giáo dục các bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa tội phạm. Trần Văn N gây thương tích cho bị hại T do tiếp nhận ý chí từ bố đẻ (bị cáo Q), tuổi trẻ, ít hiểu biết pháp luật, chưa có vợ con nên cần khoan hồng cho bị cáo, đủ điều kiện để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cũng đủ nghiêm, thể hiện tính nhân văn trong quyết định hình phạt, lấy giáo dục, thuyết phục làm chính.

Bị cáo Nguyễn Đình N1 có nhân thân tốt, phạm tội không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, khắc phục hậu quả, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; sau khi phạm tội đã đầu thú, có ông là người có công với Nước được tặng thưởng Huân chương chiến N về vang và được bị hại T xin giảm nhẹ hình phạt, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyễn Đình N1 nhất thời phạm tội, đồng phạm với vai trò giúp sức, thứ yếu; khi dùng dao chém ông T, đã có chủ ý không gây thương tích nặng, nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe ông T nên đã dùng sống dao chém nhẹ một phát vào tay ông T thì dừng lại, ngay sau đó đã ôm, can ngăn không cho Trần Văn Q, Trần Văn N tiếp tục đánh, dùng hung khí gây thương tích cho ông T. Việc làm này của Nguyễn Đình N1 đã ngăn chặn được hậu quả có thể nghiêm trọng hơn đối với bị hại T; bị cáo tự giác khai hành vi phạm tội của các bị cáo, trong đó có bị cáo N, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng sớm kết thúc điều tra, truy tố, đưa vụ án ra xét xử; ngoài ra, Nguyễn Đình N1 phạm tội vì Trần Văn N xúi dục; bị kích động tinh thần bởi hành động, lời nói của Vương Đình N và những đối tượng khác. Do cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết này, đã quyết định hình phạt 03 năm tù đối với Nguyễn Đình N1 là chưa khách quan, toàn diện, làm nặng cho bị cáo, nên cấp phúc thẩm cần giảm hình phạt tù, khoan hồng hơn nữa đối với Nguyễn Đình N1 mới đảm bảo công bằng và mục đích của hình phạt. Nguyễn Đình N1 có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, việc cho Nguyễn Đình N1 được hưởng án treo sẽ không làm ảnh hưởng xấu tới công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, an ninh trật tự tại nơi cư trú, phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 của Bộ luật hình sự như quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L: Nguyễn Văn L thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi mà bản thân đã thực hiện là tội phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản

1 Điều 51 Bộ luật hình sự; sau khi phạm tội đã đầu thú, là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 năm 02 tháng tù là đã khoan hồng đối với bị cáo. Trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Cơ quan điều tra Công an huyện TC có văn bản xác nhận thành tích của Nguyễn Văn L trong việc tố giác tội phạm, bảo vệ an ninh, trật tự (Tòa án đã xác minh). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phát sinh trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, chứng minh được Nguyễn Văn L là người tích cực thực hiện tội phạm. Hành vi của Nguyễn Văn L, cùng với Vương Đình N đã khởi phát cho hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, đặc biệt là hành vi "cố ý gây thương" cho bị hại Trần Quốc T; hành vi Nguyễn Văn L thực sự nguy hiểm, đã kích thích các bị cáo phạm tội. Nguyễn Văn L khai đi theo ông T sau đó thực hiện tội phạm là do bị cáo từng nghiện ma túy.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của Nguyễn Văn L, nhân thân, yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm cũng như để giáo dục bị cáo, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của Nguyễn Văn L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.3] Đối với kháng cáo của bị hại Trần Quốc T

Tại phiên tòa phúc thẩm, tại phần tranh luận, bị hại T thay đổi quan điểm, không còn cho rằng bị cáo Q, bị cáo N phạm tội giết người; không còn yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Q, N; đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Q, N, N1. Đề nghị trên của ông T được coi là rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ kháng cáo của ông T theo quy định pháp luật.

[2.4] Đối với kháng cáo của người liên quan bà Phạm Thị T:

Cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 (một) ống tuýp sắt, màu xám, dài 100 cm, lõi rỗng, đường kính 02 cm, ở vị trí 1/3 thân ống tuýp đã bị cong; 01 (một) cái cuốc, cán làm bằng gỗ màu nâu, hình trụ tròn dài 130 cm, đường kính 04cm, lưỡi cuốc làm bằng kim loại, có nhiều vết rỉ sét, lưỡi quóc dài 22 cm, rộng 17 cm; 01 (một) con dao (loại dao quắm) dài 70cm, cán dao bằng gỗ dài 20 cm, màu nâu sẫm, có nhiều vết nứt trên cán dao, lưỡi dao làm bằng kim loại hình lưỡi liềm, dài 50 cm, lưỡi dao nhọn; 01 (một) ống tuýp sắt, màu xám, dài 120 cm, lõi rỗng, đường kính 2,8 cm, ống tuýp đã bị cong ở phần giữa thân ống tuýp; 01 (một) ống tuýp sắt, màu xám, dài 90 cm, lõi rỗng, đường kính 2,8 cm, một đầu ống tuýp đã bị biến dạng (bị bóp méo); 01 (một) gậy gỗ hình trụ tròn, dài 120cm, đường kính 04 cm, một đầu gắn một phần kim loại hình thù không xác định, bên trên bề mặt của phần kim loại có bám dính một số dấu vết màu nâu sẫm; 01 (một) con dao, có chiều dài 49cm; lưỡi dao, mũi dao bằng kim loại dài 33cm; cán gỗ dài 16cm; 01 (một) con dao (loại dao

gọt hoa quả), dài 20cm, cán dao làm bằng nhựa, dài 08 cm; lưỡi dao làm bằng kim loại, dài 12 cm;

Trả lại bà Phạm Thị T 01 (một) Camera, nhãn hiệu EZVIZ, mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng có gắn dây nguồn màu trắng, bên trong có chứa thẻ nhớ và 02 (hai) dao (loại dao bầu), kích thước lần lượt: (46x5) cm và (48x5) cm.

Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình xảy ra vụ án, không ai sử dụng chiếc dao có chiều dài 49cm; lưỡi dao, mũi dao bằng kim loại dài 33cm; cán gỗ dài 16cm và chiếc dao (loại dao gọt hoa quả), dài 20cm, cán dao làm bằng nhựa, dài 08cm; lưỡi dao làm bằng kim loại, dài 12cm và 02 dao bầu, kích thước lần lượt: (46x5)cm và (48x5) cm nên cấp sơ thẩm tịch thu tiêu hủy 02 con dao này là không đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bà T được chấp nhận.

[3] Án phí: kháng cáo của các bị cáo và bà T được chấp nhận nên các bị cáo và bà T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại T rút kháng cáo, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét nên có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm b, đ khoản 1 Điều 355; các điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

1.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Quốc T.

1.2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q đối với yêu cầu điều tra lại, giám định lại thương tật bị hại Trần Quốc T.

1.3. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn L; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Đình N1; chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, N1 vụ liên quan bà Phạm Thị T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA, giảm hình phạt tù cho các bị cáo: Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1, Nguyễn Văn L; cho bị cáo Nguyễn Đình N1 hưởng án treo; sửa quyết định về xử lý vật chứng.

2. Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn Q, Trần Văn N, Nguyễn Đình N1 phạm tội "Cố ý gây thương tích"; bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; các điểm s, b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các Điều 58, 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn Q 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (09/01/2022).

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; các điểm s, b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các Điều 58, 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn N 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (09/01/2022).

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; các điểm s, b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các Điều 58, 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Đình N1 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình N1 cho chính quyền xã TH, huyện TC, tỉnh NA giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình Nguyễn Đình N1 có trách nhiệm trong việc phối hợp với chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N1 vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; các điểm s, u khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 10/01/2022 đến ngày 09/6/2022).

3. Vật chứng: áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng gồm: 01 (một) ống tuýp sắt, màu xám, dài 100cm, lõi rỗng, đường kính 02cm, ở vị trí 1/3 thân ống tuýp đã bị cong; 01 (một) chiếc cuốc, cán làm bằng gỗ màu nâu, hình trụ tròn dài 130cm, đường kính 04cm, lưỡi cuốc làm bằng kim loại, có nhiều vết rỉ sét, lưỡi cuốc dài 22cm, rộng 17cm; 01 (một) chiếc dao (loại dao quắm) dài 70cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm, màu nâu sẫm, có nhiều vết nứt trên cán dao, lưỡi dao làm bằng kim loại hình lưỡi liềm, dài 50cm, lưỡi dao nhọn; 01 (một) ống tuýp sắt, màu xám, dài 120cm, lõi rỗng, đường kính 2,8cm, ống tuýp đã bị cong ở phần giữa thân ống tuýp; 01 (một) ống tuýp sắt, màu xám, dài 90cm, lõi rỗng, đường kính 2,8cm, một đầu ống tuýp đã bị biến dạng (bị bóp méo); 01 (một) gậy gỗ hình trụ tròn, dài 120cm, đường kính 04cm, một đầu gắn một phần kim loại hình thù không xác định, bên trên bề mặt của phần kim loại có bám dính một số dấu vết màu nâu sẫm;

- Trả lại bà Phạm Thị T các tài sản gồm: 01 (một) Camera, nhãn hiệu EZVIZ, mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng có gắn dây nguồn màu trắng, bên trong có chứa thẻ nhớ; 02 (hai) chiếc dao (loại dao bầu), kích thước lần lượt: (46x5)cm và (48x5)cm; 01 (một) chiếc dao, có chiều dài 49cm; lưỡi dao, mũi dao bằng kim loại dài 33cm; cán gỗ dài 16cm; 01 (một) chiếc dao (loại dao gọt hoa quả), dài 20cm, cán dao làm bằng nhựa, dài 08cm; lưỡi dao làm bằng kim loại, dài 12cm;

Các vật chứng nêu trên có tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TC, tỉnh NA và Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh NA).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: các bị cáo, bị hại T, bà T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Đường sự;
- VKSND tỉnh NA;
- Cục THADS NA;
- CQTHAHS Công an NA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ N Tiếp

